

## SỬ DỤNG THẺ ATM ĐỂ HẠN CHẾ THANH TOÁN BẰNG TIỀN MẶT

## LIỆU CÓ KHẢ THI VÀ TIẾT KIỆM KHÔNG ?

Văn Tạo\*

Cũng như các quốc gia khác, ở nước ta đã từng sử dụng phổ biến các thẻ thực thanh toán không dùng tiền mặt truyền thống như: séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu đối với thanh toán trong nước, thương phiếu, hối phiếu, thư tín dụng quốc tế (L/C) đối với nghiệp vụ thanh toán quốc tế và những năm gần đây sau khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho phép, các ngân hàng thương mại (NHTM) đã cung ứng cho khách hàng các loại thẻ ATM nội địa và thẻ quốc tế Visa Card, MasterCard, với nhiều loại khác nhau như thẻ tín dụng (Credit Card) hoặc thẻ ghi nợ (Debit Card), cùng với các dịch vụ như rút tiền mặt qua máy ATM ở bất kỳ nơi nào, thời gian 24/24 giờ hoặc thanh toán tiền điện, điện thoại, hàng hóa, dịch vụ khác thông qua các máy POS đặt ở các siêu thị, nhà hàng, khách sạn, trên taxi...; mang lại nhiều tiện ích cho người sử dụng. Thị trường thẻ càng sôi động hơn khi các ngân hàng tung ra những chiêu khuyến mại lớn như giảm số tiền cần thiết duy trì trên tài khoản, không thu phí mở thẻ...; việc tuyên truyền được quảng cáo khá hấp dẫn đối với những đối tượng sử dụng thẻ, như là người sử dụng là "người sành điệu" hoặc thẻ là "chiếc ví điện tử"; các NHTM lớn đang đua nhau theo kiểu phong trào nhằm mở rộng, chiếm lĩnh thị trường

thẻ bằng việc đặt thêm nhiều máy ATM và máy POS ở những nơi thuận tiện; cung ứng nhiều loại thẻ với nhiều tiện ích khác nhau, liên kết thanh toán thẻ giữa các ngân hàng phát hành thẻ, đây chấp nhận thanh toán thẻ, đây là một loại dịch vụ công nghệ cao, mới mẻ đáp ứng được nhiều yêu cầu cho người sử dụng nhất là những người có thu nhập cao, người thường xuyên phải di chuyển như đi công tác, học tập, du lịch, chữa bệnh ở trong nước và quốc tế hoặc học sinh, sinh viên ở các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học. Theo thống kê đến cuối năm 2005 cả nước đã có 17 NHTM phát hành thẻ nội địa, 6 NHTM phát hành thẻ tín dụng quốc tế, số lượng máy ATM là 1.200 máy và 1.200 máy POS, số lượng phát hành trên 2, 1 triệu thẻ so với năm 2004 là 560.000 thẻ; doanh số thanh toán thẻ tăng 300% so với năm 2004, số tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng đạt 5 triệu tài khoản so với năm 2004 là 1 triệu tài khoản với số dư trên 12.000 tỷ đồng; đó là tín hiệu đáng mừng, góp phần đưa công nghệ thông tin ngành ngân hàng ngày càng khởi sắc.

Tuy nhiên việc sử dụng thẻ ATM có những hạn chế nhất định, càng không phải là "thần dược" để điều trị chứng bệnh nan y về thói quen sử dụng tiền mặt trong nền kinh tế nước ta; đồng thời còn những mặt trái; đó là

những rủi ro thường gặp mà các ngân hàng phát hành thẻ (NHPHT), ngân hàng thanh toán thẻ (NHHTT) và người sử dụng đang phải đối mặt gây thiệt hại cho các bên có liên quan. Sau đây chúng ta cùng trao đổi về những hạn chế và mặt trái đó:

Thẻ ATM có thực sự góp phần hạn chế khối lượng tiền mặt lưu thông và có làm thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt ?

Khi có nhu cầu mua hàng hóa, dịch vụ cùng hoặc khác địa bàn, người cần sử dụng phải mang một số lượng tiền mặt nhất định để thanh toán cho người bán hàng hoặc cung ứng dịch vụ; thay vì nhận tiền tại quầy của các tổ chức hoặc rút tiền mặt tại ngân hàng thì nay được ngân hàng cấp cho một chiếc thẻ để rút tiền mặt ở nơi khác thông qua máy ATM hoặc thanh toán qua những điểm chấp nhận thẻ ( máy POS). Tuy nhiên theo đánh giá của các chuyên gia, phần lớn người sử dụng thẻ hiện nay dùng thẻ để rút tiền mặt nhiều hơn là dùng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ bởi những lý do sau:

Hiện nay Nhà nước chưa có quy định về thanh toán bằng tiền mặt nên nhiều đơn vị, cá nhân không đại gì mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ; vừa phải đến ngân hàng rút tiền hay làm

Hà Nội (\*)

thủ tục thanh toán khi cần thiết, vừa lộ doanh thu nên không dễ bề trốn thuế, hoặc thực hiện các phi vụ bất hợp pháp khác, nghĩa là không ai đại gì "mua dây buộc mình" cả. Được biết sắp tới Chính phủ và NHNN đang có kế hoạch thí điểm áp dụng thẻ chi tiêu công, nhằm góp phần giảm tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ quan nhà nước; tuy nhiên nếu nhiều tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các cơ quan Nhà nước không mở tài khoản tiền gửi ở ngân hàng thì liệu việc phát hành thẻ chi tiêu công mua bán này có phát huy tác dụng không? Đó là lý do thẻ ATM hạn chế không đáng kể thanh toán bằng tiền mặt.

Đối tượng sử dụng thẻ phần lớn là cán bộ, công nhân viên các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, số tiền thu nhập chỉ đủ trang trải chi phí hàng ngày, cho dù số lượng mở tài khoản cá nhân và được cấp thẻ gần đây có tăng cao nhưng thường do các đơn vị trả lương áp đặt hơn là tự nguyện, nên khi được chuyển tiền lương vào tài khoản, gần như ngay sau đó họ cũng tìm cách rút tiền mặt từ máy ATM ra để chi tiêu, chỉ để lại số tiền tối thiểu theo quy định của Ngân hàng phát hành thẻ (NHPHT).

Như vậy có thể thấy, thay vì ngân hàng không phải chi trả tiền mặt trực tiếp cho khách hàng ở nơi mở tài khoản tiền gửi nhưng lại phải trả bằng tiền mặt tại các máy ATM đặt ở các địa điểm khác nên tác dụng hạn chế sử dụng tiền mặt là chưa đáng kể; cho dù tổng giá trị thanh toán bằng thẻ vừa qua có tăng chưa

nói lên được tác dụng hạn chế sử dụng tiền mặt và khác phục thói quen sử dụng tiền mặt.

2- Tình trạng gian lận thẻ ngày càng gia tăng, gây thiệt hại, tăng chi phí cho cả ngân hàng, người sử dụng và những hạn chế trong việc phát triển thị trường thẻ:

Công nghệ càng phát triển tình trạng gian lận thẻ ngày càng tinh vi và phát triển, không chỉ ở nước ta mà khắp toàn cầu. Gian lận thẻ thường xảy ra các trường hợp như thẻ giả, đánh cắp dữ liệu trong thẻ để rút tiền, giả mạo đơn xin phát hành thẻ.... Theo thống kê, tổng số thiệt hại lên đến hàng tỷ đô la Mỹ; trong đó do thẻ giả chiếm 45%, thẻ bị mất chiếm 38%, nộp đơn xin phát hành thẻ giả là 10%, các nguyên nhân khác là 7%; chỉ riêng một số nước Châu Á, năm 2004 số thiệt hại của NHPHT là 218 triệu USD, trong đó do thẻ giả là 72 triệu USD, chiếm tỷ trọng 33%, ngân hàng thanh toán thẻ (NHSTT) có số thiệt hại là 297 triệu USD, trong đó thẻ giả là 101 triệu USD, chiếm tỷ trọng 34%; ở nước ta, tuy chưa có kết luận cụ thể về thẻ giả hoặc do kẻ gian lấy cắp số PIN, nhưng đã xuất hiện ở nhiều địa phương như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh tại một số NHPHT, xảy ra những tranh chấp giữa chủ thẻ với ngân hàng, nhưng Tòa án cũng chưa đủ căn cứ, công cụ, trình độ công nghệ để xác định lẽ phải thuộc về ai, nên các chủ thẻ thường là các nạn nhân; nếu trở nên phổ biến sẽ gây mất lòng tin đối với người sử dụng. Để hạn chế thiệt hại và

giữ gìn uy tín đối với khách hàng sử dụng thẻ, một số ngân hàng đã và đang lắp đặt các camera giám sát hoặc chuyển sang sử dụng thẻ chip thay cho thẻ từ nhưng chi phí khá cao, việc chuyển thẻ từ sang thẻ chip theo tính toán của Vietcombank cho thấy chi phí cho việc sản xuất thẻ chip là 2 USD/ thẻ so với thẻ từ là 1 USD/ thẻ, nếu tính tổng số thẻ hiện nay là 2 triệu thẻ thì chi phí chuyển sang thẻ chip là trên 4 triệu USD; chưa kể đến phải thay thế một số máy ATM không tương thích. Mỗi ngân hàng lại lựa chọn dòng máy, tính năng khác nhau, việc liên minh thẻ khó thực hiện làm cho người sử dụng gặp khó khăn khi muốn rút tiền tại máy ATM của NHPHT khác; trong lúc đó các ngân hàng đang có chính sách khuyến mãi chưa thu phí của khách hàng nên nguồn thu từ dịch vụ này chỉ dựa vào việc sử dụng từ số dư trên tài khoản tiền gửi của chủ thẻ chắc chắn ngân hàng khó bù đắp đủ chi phí.

Việc mở rộng thị trường thẻ không chỉ phụ thuộc vào năng lực tài chính, công nghệ thông tin của mỗi ngân hàng mà còn phụ thuộc vào nền tảng công nghệ thông tin của quốc gia, nhất là ở nước ta công nghệ thông tin tuy có phát triển nhanh nhưng cũng mới chỉ tập trung một số thành phố lớn nên tác dụng của việc mở rộng thị trường thẻ còn hạn chế.

**3- Chi phí mua sắm, lắp đặt, bảo vệ, tiếp quỹ, đường truyền dữ liệu cho máy ATM, phí thẻ tín dụng cao:**

Theo tính toán chi riêng chi phí mua sắm 1 máy ATM từ

30.000 đến 35.000 USD/1 máy, nếu mua máy rẻ của Trung quốc cũng phải từ 10.000 đến 13.000 USD/1 máy, chưa kể đến chi phí cho việc lắp đặt, phí đường truyền dữ liệu về Trung tâm thẻ của NHPHT, NHHTT; chi phí cho việc tiếp quỹ vào các máy ATM theo tính toán vào khoản 4.450 USD/1 máy/năm, số lượng máy ATM lắp đặt ngày càng nhiều thì chi phí đó càng tăng.

Công tác giám sát, bảo vệ máy ATM đặt ở các nơi công cộng bên ngoài trụ sở làm việc của ngân hàng cũng không dễ dàng gì nhất là những nơi tình hình trật tự an ninh chưa đảm bảo. Theo thông tin được một số tờ báo đăng tải, mới đây ở Thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra trường hợp kẻ gian đã dùng súng AK bắn vào máy ATM để lấy tiền nhưng không thành.

Tình trạng thu phí thẻ nhất là thẻ tín dụng quốc tế lên tới 4% số tiền sử dụng, mới đây Ủy ban Châu Âu đã cảnh báo người tiêu dùng ở một số nước đang phải trả phí thẻ tín dụng cao gấp 2 lần so với các nước khác. Bà Kroes cho rằng các Công ty Visa và Masterd đang lợi dụng tình trạng này ( Bản tin kinh tế TTXVN số 83/TTX ngày 14/4/2006); đó là thị trường Tây Âu. Còn đối với Việt Nam, một thị trường mới mẻ đầy tiềm năng, trước mắt để chiếm lĩnh thị trường, chắc các công ty này chưa thu phí cao, chỉ khi nào đủ độ phụ thuộc vào công nghệ, tạo được thói quen cho người sử dụng, mang lại lợi ích tài chính cho chính họ và ngân hàng thì họ mới tính đến tăng phí, hậu quả cuối cùng người sử dụng chịu thiệt.

Chính vì chi phí cao nên các nước phát triển, đặc biệt là các nước Tây Âu không mặn mà đối với thẻ thanh toán.

Kinh nghiệm cho thấy việc lựa chọn, sử dụng các thẻ thức thanh toán ở các nước phát triển cũng khác nhau, tùy theo tập quán, luật pháp và đặc biệt người ta quan tâm nhiều đến mục tiêu tiết kiệm chi phí cho ngân hàng, người sử dụng và nguồn lực của đất nước họ, ví dụ:

Thẻ thức thanh toán bằng séc ở Bồ Đào Nha chiếm tới 81% tổng khối lượng giao dịch, ở Ireland là 70%, ở Pháp là 56%, ở Anh là 51%, bình quân đầu người đứng đầu là Pháp với 80 món/1 năm, thứ hai là Anh với 56 món;

Thẻ thức thanh toán bằng chuyển tiền đứng đầu là Hà Lan chiếm 62% tổng khối lượng thanh toán, Bỉ là 58%, Đức là 56%..

Thẻ thức ủy nhiệm thu thì Tây Ban Nha đứng đầu với 55% tổng khối lượng thanh toán, Đức là 36%.

Còn thẻ thanh toán được ra đời đầu tiên và áp dụng nhiều nhất ở Mỹ, sau được du nhập vào Nhật Bản và một số nước khác.

### **MỘT VÀI KIẾN NGHỊ**

**Nên lựa chọn thẻ thức thanh toán không dùng tiền mặt truyền thống, những công nghệ có chi phí thấp.**

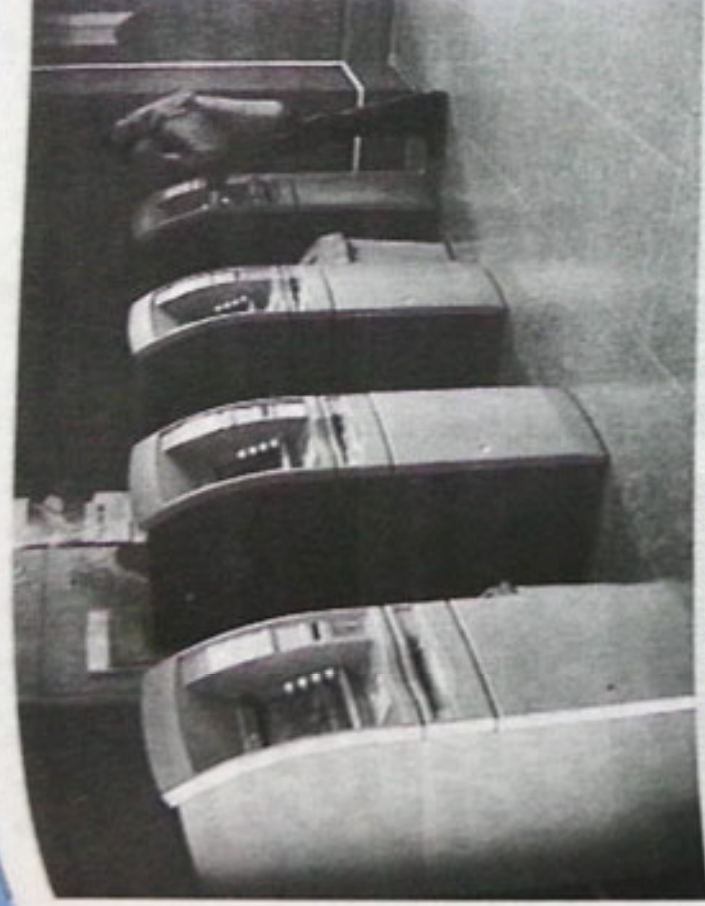
Sau khi Nghị định của Chính phủ về quy định thanh toán bằng tiền mặt và không dùng tiền mặt được ban hành, các thẻ thức thanh toán truyền thống như séc,

ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, thư tín dụng... có điều kiện phát huy tác dụng trong môi trường pháp lý mới, vì vậy cần có biện pháp để đưa vào sử dụng các thẻ thức này. Chúng ta hãy nhìn xem khi một chủ doanh nghiệp và là chủ tài khoản chỉ cần mở cặp viết vào tờ séc trực tiếp trả cho người bán hàng là họ đã thực hiện xong giao dịch giữa hai bên mua và bán, công việc đó vừa nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm, còn sau đó là trách nhiệm của ngành ngân hàng là làm thế nào thực hiện thanh toán được nhanh chóng thông qua tài khoản tiền gửi giữa hai bên mua, bán.

Hoặc như Bolivia cũng một nước nghèo ở Châu Mỹ la tinh đã lựa chọn giải pháp Prodem FFP, một loại thẻ ATM thông minh, nhận dạng bằng vân tay nhưng giá rẻ dùng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, người nghèo, đa số còn mù chữ (Tập chí Tài chính tiền tệ số 13 ngày 1/7/2005).

**Cần có khung pháp lý đầy đủ, phù hợp để hạn chế thói quen sử dụng tiền mặt, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt.**

Ở nước ta, các thẻ thức thanh toán như séc, ủy nhiệm chi, chuyển tiền, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, tài khoản đặc biệt... được áp dụng phổ biến từ sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 04/CP ngày 7/3/1960 về thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định số 15/CP ngày 31/5/1960 quy định những nguyên tắc về quản lý tiền mặt; nhưng sau khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, hoạt



*"Sử dụng thẻ ATM để hạn chế thanh toán bằng tiền mặt liệu có khả thi và tiết kiệm?"*

động của ngành ngân hàng chưa chuyển đổi kịp thời để thích ứng với nhiệm vụ mới, công tác thanh toán không dùng tiền mặt chậm chạp, thiếu chính xác, không đáp ứng được nhu cầu tiền mặt gây mất lòng tin cho khách hàng; hậu quả là các thể thức thanh toán không dùng tiền mặt truyền thống ít được khách hàng lựa chọn; bởi vậy tâm lý chuộng sử dụng tiền mặt ngày càng phát triển.

Đến nay, nhờ những tiến bộ vượt bậc về công nghệ thông tin ở nước ta, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của nền kinh tế nhất là hoạt động của ngành ngân hàng, nhất là sau khi ngành ngân hàng đã hoàn thành dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn I của NHNN và một số NHTM và đang tiếp tục thực hiện giai đoạn II, tình trạng chậm trễ trong thanh toán đã được khắc phục đáng kể, thời gian thanh toán các khoản giao dịch không phải tính bằng tuần lễ hay ngày như trước

đây mà nay tính bằng giây, nhờ vậy tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt qua các năm đã được cải thiện: nếu năm 1997 là 30,8% đến năm 2002 là 22,56%, năm 2003 là 22,03%, năm 2004 chỉ còn 20,35% trên tổng phương tiện thanh toán; nhưng tỷ lệ này còn cao hơn so với các nước trong khu vực như Indonesia, Ấn Độ là 18%; thói quen sử dụng tiền mặt ở nước ta vẫn chưa khác phục.

Trong một thời gian dài từ sau năm 1975 đến nay, nhất là sau khi Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/CP ngày 25/11/1993 về tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt thay thế Nghị định số 4/CP ngày 7/3/1960 về thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt nhưng lại quy định ngân hàng có trách nhiệm chi trả tiền mặt và chuyển khoản trong phạm vi số dư tiền gửi theo yêu cầu; tiếp đến Nghị định số 64/2001/CP ngày 20/9/2001 về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thay thế

Nghị định số 91/CP, với quy định này mặc nhiên các tổ chức, cá nhân được sử dụng tiền mặt theo yêu cầu mà không có hạn chế nào cả; thói quen sử dụng tiền mặt từ đó phát triển cho đến nay, những thể thức thanh toán không dùng tiền mặt truyền thống ít được sử dụng.

Được biết Ngân hàng Nhà nước đang thu thập ý kiến về dự thảo Nghị định về quy định thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt trước khi trình Chính phủ ban hành; đây là một lĩnh vực tế nhị có liên quan đến rất nhiều chủ thể tham gia; những vụ tiêu cực, tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, tẩy rửa tiền ngoài ngân hàng xảy ra tương đối phổ biến trong đó có nguyên nhân là Nhà nước chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý, sử dụng tiền mặt trong nền kinh tế. Để Nghị định trở thành công cụ quan trọng trong việc lập lại trật tự thị trường tiền tệ, thiết nghĩ Nghị định cần có những quy định mang tính chất hành chính như:

- Mọi khoản thanh toán về hàng hóa dịch vụ giữa các tổ chức phải thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt;

- Giới hạn thanh toán bằng tiền mặt giữa các tổ chức với cá nhân, giữa các tổ chức với nhau;

- Các khoản thu bằng tiền mặt của các tổ chức phải nộp hết vào ngân hàng, được giữ tại quỹ một số tiền nhất định;

- Xác định trách nhiệm của chủ tài khoản trong việc chấp hành pháp luật về thanh toán bằng tiền mặt và không dùng tiền mặt.

- Vai trò kiểm soát của các ngành có liên quan trong việc chấp hành quy định về thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức và những quy định xử phạt vì phạm hành chính trong việc chấp hành các quy định của Nghị định, quy định sử dụng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt;

Ngành Ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện công tác cung ứng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu chu chuyển vốn của nền kinh tế, các giao dịch của các tổ chức, cá nhân nhanh chóng, chính xác, đầy đủ, an toàn.

Ngoài ra, các NHTM có chính sách khuyến khích cá nhân, các công ty tư nhân mở tài khoản

thanh toán như có nâng mức lãi suất tiền gửi hoặc mở tài khoản tiền gửi là điều kiện được vay vốn. Những quy định có tính chất hành chính như vậy trước mắt có thể gây một số khó khăn nhất định chưa được sự đồng tình của một bộ phận cá nhân, tổ chức nào đó; tuy nhiên vì lợi ích của đất nước, việc tăng cường quản lý tài chính- kinh tế là cần thiết trong giai đoạn hiện nay góp phần có hiệu quả Luật chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Kinh nghiệm cho thấy để làm thay đổi một tập quán, một thói quen xấu là hết sức khó khăn nhưng bên cạnh các quy định chặt chẽ của luật pháp, kết hợp với công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân, trách nhiệm

của người đứng đầu các tổ chức trước hết là các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời Ngân hàng áp dụng công nghệ thông tin, khác phục những chậm trễ trong công tác, sẽ đáp ứng được nhu cầu thanh toán của nền kinh tế và tiết kiệm chi phí cho toàn xã hội. Vì vậy Nhà nước nên sớm ban hành Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán bằng tiền mặt theo hướng trên, thay thế các văn bản hiện hành không đáp ứng các yêu cầu mới, với những thể thức thanh toán phù hợp và những công nghệ có chi phí thấp, các ngân hàng không nên mở rộng quá mức thanh toán bằng thẻ ATM gây lãng phí nguồn lực của đất nước và thiệt hại cho người sử dụng ■

## CÔNG TY ĐĂNG KÝ THÔNG TIN TÍN DỤNG TỰ NHÂN...

(Tiếp theo trang 45)

### CHÚ THÍCH:

<sup>1</sup> Nhiều nghiên cứu đã được WB dẫn trích cho thấy, những người trả lời phỏng vấn từ các tổ chức báo cáo tín dụng ở Trung Quốc và Kenya cho biết, có nhiều doanh nghiệp không tuân thủ qui định về kế toán trong việc chuẩn bị báo cáo tài chính và nhiều doanh nghiệp trốn thuế bằng cách có các tài khoản ngân hàng bí mật hay duy trì nhiều hệ thống số sách khác nhau (Olegario, 2000). Cũng trong điều tra này, những người trả lời phỏng vấn ở Nga và Mexico nhận xét: nhiều cá nhân và chủ doanh nghiệp không muốn cung cấp các thông tin trung thực về tình hình tài chính của họ do lo ngại bị coi là phạm tội (WB, 2002, p.124-125).

<sup>2</sup> Xin được trao đổi thêm về vấn đề này trong bài viết "Xây dựng thể chế nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tài chính vi mô" đang hoàn thành của tác giả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Bank. 2001. *Finance for Growth: Policy Choices in a Volatile World*. Policy Research Report. New York: Oxford University Press.
2. World Bank. 2001. "Capacity Building for Economic Communication." Internal Report. Communications Department. Romania Country Office. World Bank, Bucharest.
3. World Bank. 2001. *World Development Report 2000/2001:*

*Attacking Poverty*. New York: Oxford University Press.

4. Barron, John M., and Michael Staten. 2000. "The Value of Comprehensive Credit Reports: Lessons from the U.S. Experience." World Bank. Processed.

5. Miller, Margaret. 2000. "Credit Reporting Systems Around the Globe: The State of the Art in Public and Private Credit Registries." World Bank. Processed.

6. Ngân hàng Thế giới. 2001. Tài chính cho tăng trưởng: lựa chọn chính sách trong một thế giới đầy biến động. NXB. Văn hoá – Thông tin. Hà Nội.

7. Ngân hàng Thế giới. 2002. *Xây dựng Thể chế hỗ trợ Thị trường*. NXB. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.